

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẤP VÒ
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 89/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 22 -11-2019

V/v Ly hôn, tranh chấp
nuôi con, chia tài sản khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẤP VÒ, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Văn Nội.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Vạn Thế.
2. Bà Chung Thị Thu Nguyệt.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Khánh Tâm là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 22 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở của Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 323/2019/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2019, về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 264/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn T (Bé), sinh năm 1992 (có mặt).

Địa chỉ: tổ 1, ấp ĐH, xã TTĐ, thành phố C, tỉnh ĐT.

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Hồng Th là Luật sư của Văn phòng Luật sư HT thuộc Đoàn luật sư tỉnh ĐT (có mặt).

- Bị đơn: Chị Ngô Thanh Th, sinh năm 1998 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp AT, xã MAHB, huyện LV, tỉnh ĐT.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Văn B, sinh năm: 1966 (có mặt)

Địa chỉ: tổ 1, ấp ĐH, xã TTĐ, thành phố C, tỉnh ĐT.

2. Bà Ngô Thị Thôi C, sinh năm: 1965.

Địa chỉ: ấp AT, xã MAHB, huyện LV, tỉnh ĐT (xin vắng mặt).

3. Chị Nguyễn Thị B1, sinh năm: 1983 - Chủ cửa hàng vật liệu xây dựng, trang trí nội thất NH (xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp AH, xã MAHB, huyện LV, tỉnh ĐT (xin vắng mặt)

4. Chị Nguyễn Thị Mộng T, sinh năm: 1988.

Địa chỉ: tổ 10, ấp B, xã MT, thành phố C, tỉnh ĐT (xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:

1. Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T và chị Ngô Thanh Th đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TTĐ, thành phố C, tỉnh ĐT vào ngày 01/7/2016. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Từ tháng 9 năm 2017 anh T và chị Th sống xa nhau cho đến nay không hàn gắn được. Nay anh T yêu cầu được ly hôn với chị Th.

2. Về con chung: Anh T và chị Th có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng TA, sinh ngày 06/3/2014. Hiện nay con đang do anh T nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn anh T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Vợ chồng có 04 chỉ vàng 24Kv hiện nay bà Ngô Thị Thôi C là mẹ vợ đang giữ. Số vàng này do chị Th gửi cho bà Thôi C, nay bà Thôi C trình bày đã giao lại cho chị Th thì anh T cũng không biết là Th đã nhận lại hay chưa. Nay anh T xin rút lại yêu cầu về chia tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Thôi C phải trả vàng lại cho anh T. Anh T rút yêu cầu đối với việc chia tài sản chung.

4. Về nợ chung: Vợ chồng mượn tiền của ông Nguyễn Văn B 10.000.000đ để chuyển nhượng đất. Khi cất nhà vợ chồng còn nợ tiền vật liệu xây dựng của chị B1 15.000.000đ và nợ tiền bơm cát của chị T 5.000.000đ. Đối với số nợ này giữa anh T với ông B, bà B1, chị T đã thỏa thuận xong và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên anh T cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với số nợ của vợ chồng.

Tại phiên tòa hôm nay anh Nguyễn Văn T yêu cầu được ly hôn với chị Ngô Thanh Th. Yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Hoàng TA, sinh ngày 06/3/2014, không yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung anh T rút yêu cầu, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Bị đơn chị Ngô Thanh Th trình bày tại đơn đề nghị vắng mặt tại Tòa án đề ngày 08/11/2019 như sau: Về hôn nhân chị Th đồng ý ly hôn với anh Nguyễn Văn T. Về con chung đồng ý giao con chung tên Nguyễn Hoàng TA, sinh ngày 06/3/2014 cho anh T được tiếp tục nuôi dưỡng, chị Th không phải

cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, chị Nguyễn Thị B1 – Chủ cửa hàng vật liệu xây dựng, trang trí nội thất NH trình bày:* Trước đây, chị Th và anh T có đến cửa hàng của chị B1 để mua vật liệu xây dựng số tiền là 30.000.000đ. Sau khi chị Th và anh T làm đơn xin ly hôn thì anh T có trả được 15.000.000đ, hiện nay còn nợ 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng). Nay yêu cầu chị Th và anh T có nghĩa vụ trả số tiền nêu trên. Trước khi Toà án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử chị Nguyễn Thị B1 có đơn xin rút yêu cầu với lý do: Trong quá trình giải quyết vụ án giữa chị B1 và anh T đã thoả thuận được với nhau nên chị B1 không yêu cầu Toà án giải quyết yêu cầu của chị B1 nữa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, chị Nguyễn Thị Mộng T trình bày:* Trước đây anh T và chị Th có yêu cầu chị Tuyên bơm cát sang lấp nền nhà với số tiền là 10.000.000đ (Mười triệu đồng). Nay anh T và chị Th yêu cầu ly hôn thì yêu cầu anh T và chị Th có nghĩa vụ trả số tiền trên cho chị T. Trước khi Toà án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử chị Nguyễn Thị Mộng T có đơn xin rút yêu cầu với lý do: Trong quá trình giải quyết vụ án giữa chị T và anh T đã thoả thuận được với nhau nên chị T không yêu cầu Toà án giải quyết yêu cầu của chị T.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Ngô Thị Thôi C trình bày:* Bà là mẹ ruột của chị Ngô Thanh Th và là mẹ vợ của anh Nguyễn Văn T. Trước đây Trúc có gửi cho bà Thôi C 04 chỉ vàng 24K₉₉ để giữ dùm nhưng hiện nay chị Th đã lấy lại hết nên bà Thôi C không còn giữ vàng của chị Th. Vàng do Th gửi cho bà Thôi C giữ, Th lấy lại thì bà Thôi C đưa cho Th. Nay bà Thôi C không còn giữ vàng của anh T và chị Th nên không đồng ý theo như yêu cầu của anh T.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn B trình bày:* Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên Toà ông B trình bày vợ chồng T-Th có nợ ông B 10.000.000đ (Mười triệu đồng) nhưng ông B không yêu cầu Toà án giải quyết.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh Nguyễn Văn T phát biểu ý kiến như sau:*

Anh T và chị Th tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Quá trình sống chung đã phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Nay anh T yêu cầu được ly hôn với chị Th, yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung anh T đã rút yêu cầu, về nợ chung ông Bưng không yêu cầu Toà án giải quyết, còn chị Bút và chị Tuyên trước đây có yêu cầu nhưng nay đã có đơn xin rút lại yêu cầu và anh T cũng không yêu cầu Toà án giải quyết đối với số tiền nợ. Còn chị Th mặc dù không đến Toà án theo giấy triệu tập nhưng tại đơn đề nghị vắng mặt tại Toà án chị Th đã trình bày ý kiến là

đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh T, về con chung đồng ý giao cho anh T được tiếp tục nuôi dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T, giao con chung cho anh T nuôi, chi Th không cấp dưỡng nuôi con. Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung của anh T và chi Th.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự và lời phát biểu của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn tại phiên tòa, Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò, nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại đơn khởi kiện anh Nguyễn Văn T yêu cầu được ly hôn với chị Ngô Thanh Th, yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu chi Th cấp dưỡng nuôi con, yêu cầu chia tài sản chung nên quan hệ tranh chấp được xác định là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con, chia tài sản khi ly hôn” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại huyện Lấp Vò nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Sau khi thụ lý Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải. Tuy nhiên, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt do đó thuộc trường hợp không tiến hành hoà giải được. Tại phiên tòa ngày hôm nay bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị B1, chị T và bà Thôi C có đơn xin vắng mặt tại phiên Tòa. Do đó, căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nêu trên.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T và chị Ngô Thanh Th tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TTTĐ, thành phố C, tỉnh ĐT theo giấy chứng nhận kết hôn số 61 ngày 01 tháng 7 năm 2016 theo đúng quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị Th là hợp pháp. Theo anh T trình bày vợ chồng sống chung hạnh phúc được thời gian đầu sau đó xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và đã xa nhau từ tháng 9/2017 cho đến nay mà không hàn gắn được nên anh T yêu cầu được ly hôn với chị Th. Tại đơn đề nghị vắng mặt tại Tòa án, chị Ngô Thanh Th trình bày chi Th thống nhất ly hôn theo như yêu cầu của anh T. Như vậy, có đủ căn cứ để xác định hôn nhân giữa anh T và chị Th đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Đồng thời, anh T và chị Th cũng không yêu cầu Tòa án hoà giải đoàn tụ. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Văn T đối với chị Ngô Thanh Th. Cho anh Nguyễn Văn T được ly hôn với chị Ngô Thanh Th.

[2.2] Về con chung: Anh T và chị Th đều thống nhất vợ chồng có 01

con chung tên Nguyễn Hoàng TA, sinh ngày 06/3/2014. Con hiện nay đang do anh T nuôi dưỡng. Nay ly hôn chỉ Th thống nhất giao con chung cho anh T được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, về cấp dưỡng nuôi con, anh T không yêu cầu chỉ Th có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Do đó, căn cứ vào các Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình giao con chung cho anh T được tiếp tục nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Anh T đã rút yêu cầu chia tài sản chung. Xét thấy việc anh T rút yêu cầu chia tài sản chung là tự nguyện và phù hợp pháp luật nên chấp nhận. Do đó, đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của anh T.

[2.4] Về nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên Toà ngày hôm nay, ông Nguyễn Văn B không yêu cầu Toà án giải quyết về số nợ của anh T và chỉ Th nên không xem xét giải quyết.

Đối với số nợ của chị B1 và chị T, trong quá trình giải quyết vụ án, chị B1 và chị T có yêu cầu độc lập là yêu cầu anh T và chỉ Th trả nợ nhưng trước khi mở phiên toà thì chị B1 và chị T đã có đơn xin rút yêu cầu khởi kiện. Xét thấy việc rút yêu cầu là tự nguyện, không bị ai ép buộc và phù hợp pháp luật, đồng thời anh T cũng không yêu cầu Toà án giải quyết về số nợ này nên chấp nhận. Do đó, đình chỉ yêu cầu độc lập về việc yêu cầu trả nợ chị B1 và chị T.

[2.5] Về án phí: Anh Nguyễn Văn T phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Do anh T đã rút yêu cầu chia tài sản chung, chị B1 và chị T rút yêu cầu độc lập về đòi nợ nên hoàn trả cho anh T số tiền tạm ứng án phí về chia tài sản và trả lại cho chị B1 và chị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[3] Xét lời phát biểu và đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn là có căn cứ và phù hợp pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 khoản 4 Điều 147, Điều 217, Điều 218, Điều 228, Điều 235 và Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho anh Nguyễn Văn T được ly hôn với chị Ngô Thanh Th.

2. Về con chung:

2.1. Giao con chung tên Nguyễn Hoàng TA, sinh ngày 06/3/2014 cho anh

Nguyễn Văn T được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Sau khi ly hôn chị Ngô Thanh Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, anh Nguyễn Văn T cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở và chị Th không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con của anh T.

2.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của anh Nguyễn Văn T.

4. Về nợ chung: Đình chỉ yêu cầu độc lập của chị Nguyễn Thị B1 và chị Nguyễn Thị Mộng T về việc yêu cầu anh T và chị Th trả nợ.

5. Về án phí:

5.1. Anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số BH/2017/0009078 ngày 03/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

5.2. Trả lại cho anh Nguyễn Văn T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai tạm ứng án số BG/2015/ 0003448 ngày 13/6/2018 của Chi Cục thi hành án thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. và 835.000đ (Tám trăm ba mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai tạm ứng án số BH/2017/0004743 ngày 17/10/2018 của Chi Cục thi hành án thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

5.3. Trả lại cho chị Nguyễn Thị Mộng T số tiền tạm ứng án phía đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai tạm ứng án số BH/2017/0005177 ngày 24/12/2018 của Chi Cục thi hành án thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

5.4. Trả lại cho chị Nguyễn Thị B1 số tiền tạm ứng án phía đã nộp là 375.000đ (Ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai tạm ứng án số BH/2017/0005178 ngày 24/12/2018 của Chi Cục thi hành án thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

6. Đương sự có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại

Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Lấp Vò;
- CC.THADS huyện Lấp Vò;
- UBND xã TTĐ, TP.C;
- Dương sự;
- Lưu: HSVA, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Văn Nội